**5. Kontakty na školu a na rodiče žáka / Thông tin liên lạc nhà trường và phụ huynh**

Vyměňte si se školou vzájemně kontakty, pokud to škola nenavrhne. Např. kontakt na školu, ředitele, třídního učitele, váš kontakt, případně na někoho s kým se škola může domluvit, pokud máte jazykovou bariéru.

Xin quý vị tự trao đổi thông tin liên lạc, nếu nhà trường không nhắc đến. Ví dụ: thông tin liên lạc với nhà trường, hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm, thông tin liên lạc của quý vị hoặc một ai đó mà nhà trường có thể liên hệ nếu có rào cản trong ngôn ngữ.

**TŘÍDNÍ UČITEL/KA: / GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM:**

* jméno a příjmení / tên và họ .........................................
* kabinet / sborovna / kancelář číslo / phòng giáo viên / phòng hội đồng / văn phòng số .................,
* ........ patro / tầng
* telefon / điện thoại .....................................,
* e-mail / e-mail .....................................
* konzultační hodiny:/thời gian tư vấn:

- pondělí / thứ hai ................... - čtvrtek / thứ năm ...................

- úterý / thứ ba ................... - pátek / thứ sáu ...................

- středa / thứ tư ...................

Na **třídního učitele / třídní učitelku** se obracejte v těchto případech:

omlouvání nepřítomnosti, žádost o uvolnění z výuky na kratší dobu (do .... pracovních dní), informace o prospěchu a chování dítěte, dotazy k rozvrhu hodin a předmětům, náměty a připomínky, veškeré změny v údajích žáka, informace k organizačním záležitostem školy (včetně výletů a akcí školy)…

Hãy liên hệ với **giáo viên chủ nhiệm** trong những trường hợp này:

xin nghỉ học, đệ đơn xin vắng mặt trong thời gian ngắn (đến …. ngày làm việc), thông tin về thành tích và hành vi của trẻ, những câu hỏi về thời khóa biểu và các môn học, đề xuất và nhận xét, tất cả các thay đổi liên quan đến dữ liệu cá nhân của học sinh, thông tin về các vấn đề hoạt động của trường (bao gồm các buổi đi dã ngoại và các sự kiện)…

**ŘEDITEL/KA ŠKOLY / HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG**

* jméno a příjmení / tên và họ .........................................
* kabinet / sborovna / kancelář číslo / phòng giáo viên / phòng hội đồng / văn phòng số .................,
* ........ patro / tầng
* telefon / điện thoại .....................................,
* e-mail / e-mail .....................................
* konzultační hodiny:/thời gian tư vấn:

- pondělí / thứ hai ................... - čtvrtek / thứ năm ...................

- úterý / thứ ba ................... - pátek / thứ sáu ...................

- středa / thứ tư ...................

Na **ředitele / ředitelku** školy se obracejte v těchto případech:

přijímání žáků ke vzdělávání, žádost o uvolnění z výuky na delší dobu (více než .... pracovních dní), přijímání stížností a podnětů a jejich řešení, řešení situací, které nebyly vyřešeny s vyučujícím nebo třídním učitelem.

Hãy liên hệ với **hiệu trưởng** trong những trường hợp này:

đăng ký xin vào trường học, đệ đơn xin vắng mặt dài ngày (nhiều hơn …. ngày làm việc), nhận đơn khiếu nại và đề xuất giải quyết, giải quyết những tình huống mà không thể giải quyết được với giáo viên hay giáo viên chủ nhiệm.

Je důležité, abyste veškeré údaje a důležité skutečnosti o Vašem dítěti sdělovali škole. Komunikace se školou probíhá především v českém jazyce. Můžete nás kontaktovat telefonicky / e-mailem také v jazyce:

- angličtina1 - němčina2 - španělština3

- francouzština4 - ruština5

Điều quan trọng, là quý vị nên thông báo tất cả các thông tin và sự thực về con của quý vị. Cách giao tiếp vời nhà trường chủ yếu được sử dụng bằng tiếng Séc. Quý vị cũng có thể liên hệ với chúng tôi qua điện thoại / e-mail bằng ngôn ngữ:

- tiếng Anh1 - tiếng Đức2 - tiếng Tây Ban Nha3

- tiếng Pháp4 - tiếng Nga5

Vyplněný formulář odevzdejte ve škole / Đơn đã được điền xin nộp lai cho nhà trường:

**Kontakt na rodiče** žáka jménem: / **Thông tin liên lạc với phụ huynh** học sinh: ..............................................

**Zákonní zástupci: / Những người đại diện pháp lý:**

1) jméno a příjmení / tên và họ ....................................................................

adresa bydliště / nơi cư trú ....................................................................

telefon / điện thoại ...................................................................

e-mail / e-mail ....................................................................

2) jméno a příjmení / tên và họ ....................................................................

adresa bydliště / nơi cư trú ....................................................................

telefon / điện thoại ....................................................................

e-mail / e-mail ....................................................................

V případě, že Vy (zákonní zástupci) nerozumíte dobře česky, uveďte, prosím, kontakt na osobu, která je telefonicky dostupná během vyučování a mluví a rozumí česky (např. příbuzný, kolega v práci, jiný rodinný příslušník...). Kontakt bude využíván pouze pro urgentní případy (neslouží pro běžnou komunikaci).

Trong trường hợp quý vị (người đại diên pháp lý) không hiểu tốt tiếng Séc, xin hãy để lại thông tin liên lạc đến một người nào biết nói và hiểu tiếng Séc mà chúng tôi có thể liên hệ trong thời gian giảng dạy (ví dụ: người nhà, đồng nghiệp hay thành viên khác trong gia đình …). Chúng tôi chỉ sử dụng liên hệ này trong những trường hợp khẩn cấp (sẽ không sử dụng trong giao tiếp bình thường).

**Kontaktní osoba pro urgentní případy:**

jméno a příjmení / tên và họ ...................................................................

telefon / điện thoại ....................................................................

e-mail / e-mail ....................................................................